TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 02 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 52/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân khu vực 11 – Gia Lai về việc "Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Vũ Thị Bích N, sinh năm 2004, CCCD số 064304002175

Địa chỉ: Thôn F, xã C, tỉnh Gia Lai.

- Anh Bùi Thái B, sinh năm 2004, CCCD số 064204014354

Địa chỉ: Thôn N, xã C, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị Bích N và anh Bùi Thái B qua tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Gia Lai) vào ngày 09/09/2024. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N và anh B đã thống nhất thỏa thuận cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh B có 01 con chung là cháu Bùi Vũ Quang K, sinh ngày 11/8/2024. Sau khi ly hôn, chị N và anh B thống nhất thỏa thuận giao cháu K cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ ngày 02/4/2026 đến khi con trưởng thành.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

[4]. Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

[5]. Về lệ phí: Anh chị thỏa thuận mỗi người chịu lệ phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Bích N và anh Bùi Thái B thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Khi ly hôn, chị Vũ Thị Bích N và anh Bùi Thái B thống nhất thỏa thuận giao cháu Bùi Vũ Quang K, sinh ngày 11/8/2024 cho chị Vũ Thị Bích N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ ngày 02/4/2026 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

2. Về lệ phí: Chị Vũ Thị Bích N và anh Bùi Thái B mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002097 ngày 12/3/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- UBND;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Dương Nam Anh Chinh